

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CAO HỌC NĂM 2021

STT	Số BD	Tích hợp hóa được-được lý	Hóa hữu cơ	Tiếng Anh	Ghi chú
1	Ths.21.001	6.5	5.5	71	
2	Ths.21.002	5	2.75		
3	Ths.21.003	3.5	5		
4	Ths.21.005	5.5	5		
5	Ths.21.006	8.25	7.5		
6	Ths.21.007	5.25	0	75.5	
7	Ths.21.009	8.25	9	80.5	
8	Ths.21.010	8.5	8		
9	Ths.21.011	7.5	8.5		
10	Ths.21.012	7.75	8.75	69	
11	Ths.21.014	8.5	5.75		
12	Ths.21.015	8.25	9.5		
13	Ths.21.016	8.5	7	75	
14	Ths.21.017	6.5	5		
15	Ths.21.018	7.25	6		
16	Ths.21.019	8	3.75	68	
17	Ths.21.020	7.25	8.75		
18	Ths.21.021	6.5	7.75		
19	Ths.21.023	7.75	8.5	85	
20	Ths.21.024	6.5	3.75		
21	Ths.21.025	6	1.75		
22	Ths.21.026	5.5	3	64	
23	Ths.21.027	0.25	0		
24	Ths.21.028	9	7		
25	Ths.21.029	8.25	8.25	87	
26	Ths.21.030	8.25	7.75		
27	Ths.21.031	6.75	3.5		
28	Ths.21.033	7.5	3.5		
29	Ths.21.034	9.75	8.25		
30	Ths.21.035	6	7		
31	Ths.21.036	7.75	8.75		
32	Ths.21.037	6.75	7.75		
33	Ths.21.038	7.5	5.5		
34	Ths.21.042	9.75	7		

STT	Số BD	Tích hợp hóa dược-dược lý	Hóa hữu cơ	Tiếng Anh	Ghi chú
35	Ths.21.043	8.5	8.5	84	
36	Ths.21.044	9	6.75		
37	Ths.21.045	8	7.5		
38	Ths.21.046	7.75	5.25	72	
39	Ths.21.047	7	9.25	78	
40	Ths.21.048	7.75	7	64.5	
41	Ths.21.049	8	7.5	55	
42	Ths.21.050	7	7.25		
43	Ths.21.052	9.25	7.5	57	
44	Ths.21.054	5	5	69	
45	Ths.21.056	8	8.75	66	
46	Ths.21.057	8.75	7.5	89	
47	Ths.21.058	6.25	6.25	67	
48	Ths.21.059	6.75	6		
49	Ths.21.060	7.75	6.75		
50	Ths.21.061	8.25	1.25		
51	Ths.21.062	7.25	6.75		
52	Ths.21.063	7.5	7	56	
53	Ths.21.064	7.5	3.75	61	
54	Ths.21.065	8.75	8.5		
55	Ths.21.066	5	5	54	
56	Ths.21.067	8.5	9	64	
57	Ths.21.068	8.5	7	66.5	
58	Ths.21.069	8.5	7.5		
59	Ths.21.070	6	5		
60	Ths.21.071	5.5	3.25		
61	Ths.21.072	6.25	3.5	50	
62	Ths.21.073	9	9.5		
63	Ths.21.074	5	7.5		
64	Ths.21.075	8.5	9.5	59.5	
65	Ths.21.076	5	7.75		
66	Ths.21.077	8.5	7.25	59	
67	Ths.21.080	7.25	6.5	54	